TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2023
V/v: Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn.
2. Ông Trần Thanh Tùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ lý số: 225/2022/TLST - HNGĐ ngày 02/12/2022 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 23/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/3/2023 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1982; Địa chỉ : Xóm Thủy Cơ, xã TV, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Chị B vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979; Địa chỉ : Xóm Thủy Cơ, xã TV, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2022, bản tự khai ngày 10/12/2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn H cưới nhau theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống cùng nhau hai bên sinh sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh H xem thường vợ, cuộc sống không có hạnh phúc vì các con

chị B đã chịu đựng nhiều năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị B yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Văn Phương sinh ngày 18/7/2000 và Nguyễn Thị Lan sinh ngày 21/4/2007, anh Phương hiện đã thành niên chị B không yêu cầu tòa án giải quyết, còn cháu Lan đang còn nhỏ, ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Lan, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B.

Về tài sản: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn H nhiều lần đến Tòa án làm việc và tham gia phiên hòa giải và phiên tòa nhưng anh H không đến nên không có bản khai, không có ý kiến của anh H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ: Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận là vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn H, về giao nuôi con: Giao chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Lan sinh ngày 21/4/2007 để tiện trong việc học tập của cháu Lan và nguyện vọng của cháu Lan mong muốn ở với chị B, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B; Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H là bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu trường trú tại huyện Thiệu Hóa vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh H lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị B và anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn H hai bên chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 và có cưới hỏi theo phong tục địa phương, trên cơ sở tự nguyện. Theo chị B thì giữa chị B và anh Nguyễn Văn H hai bên không đăng ký kết hôn, chính quyền địa phương nơi chị B và anh H sinh sống từ trước tới nay xác nhận hai bên không đăng ký kết hôn, các bên cũng không xuất trình được tài liệu nào chứng minh có việc đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn H. Theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì giữa chị B và anh H sống chung với nhau như vợ chồng

nhưng không đăng ký kết hôn thì không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng; Nay chị B có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H, cần áp dụng các quy định này và quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để không công nhận chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị B khai nhận chị B và anh H có 02 con chung là Nguyễn Văn Phương sinh ngày 18/7/2000 và Nguyễn Thị Lan sinh ngày 21/4/2007, chị B đã xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Văn Phương sinh ngày 18/7/2000 và Nguyễn Thị Lan sinh ngày 21/4/2007, có ghi họ tên mẹ là Nguyễn Thị B, họ tên bố là Nguyễn Văn H; Như vậy đủ cơ sở khẳng định Nguyễn Văn Phương sinh ngày 18/7/2000 và Nguyễn Thị Lan sinh ngày 21/4/2007 là con chung của chị B và anh H; Hiện tại anh Nguyễn Văn Phương đã thành niên, tự lập được nên Tòa không xem xét về việc chăm sóc và cấp dưỡng, đối với Nguyễn Thị Lan hiện đang còn nhỏ, là nữ giới và mong muốn ở với mẹ nên giao cháu Lan cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình; Ghi nhận sự tự nguyện của chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B.

[4] Về tài sản và công nợ: Trong vụ án này, Hội đồng xét xử không biết được nội dung yêu cầu của anh H, đối với phần tài sản giữa chị B và anh H nếu có tài sản sẽ tự bàn bạc thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện.

[5]. Về án phí: Chị B là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Lan sinh ngày 21/4/2007 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị B.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu tiền án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí

300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2021/0006069 ngày 02/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị B đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị B, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Thiệu Hóa;*
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Thi hành án dân sự (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Dũng Tấn **Trần Thanh Tùng** **Hoàng Văn Đạt**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà **Trần Thị Thịnh** **Hoàng Văn Đạt**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Dũng Tấn **Lê Minh Nhân** **Hoàng Văn Đạt**